

Số: 1139/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô
và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam đến năm 2015,
tầm nhìn đến năm 2025**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 386/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2006 - 2015, định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025 với những nội dung chính sau:

1. Quan điểm phát triển

Phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam nhằm bình ổn thị trường tiêu thụ sản phẩm xăng dầu trong nước, ổn định năng lực sản xuất của các nhà máy lọc hóa dầu, bảo đảm an ninh năng lượng và phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường xăng dầu trong nước.

Giảm thiểu các tác hại đối với nền kinh tế trong trường hợp nguồn cung dầu thô trên thị trường thế giới có sự giảm bất thường và góp phần tăng hiệu quả kinh tế nhất định trong trường hợp giá dầu trên thế giới tăng đột biến.

Phát huy tối đa khả năng của các loại hình dự trữ, đồng thời có thể ứng cứu nhanh nhất trong các tình huống khẩn cấp.

Hoạch định các chính sách dự trữ phù hợp theo từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và thị trường có định hướng.

2. Định hướng phát triển

Xây dựng hệ thống các kho dự trữ phân bố tương ứng với nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của các khu vực/vùng trong cả nước; tối ưu về chi phí đầu tư, quản lý và vận hành.

Đối với dự trữ thương mại: quy mô và tiến độ phát triển hệ thống kho xăng dầu tương ứng phù hợp với nhu cầu của từng khu vực theo từng giai đoạn.

Đối với dự trữ sản xuất: quy mô, tiến độ đầu tư, chủng loại các kho dầu thô và kho sản phẩm xăng dầu phù hợp với công suất chế biến, cơ cấu sản phẩm và kế hoạch sản xuất của các nhà máy lọc hóa dầu.

Đối với dự trữ quốc gia: vị trí kho quốc gia phải bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối; tối ưu hóa cung đường vận chuyển dầu thô và sản phẩm xăng dầu đến các nhà máy lọc hóa dầu và các khu vực tiêu thụ.

3. Mục tiêu phát triển

Từ năm 2015, tổng quy mô hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam cần đạt tối thiểu 90 ngày nhập ròng, đáp ứng tiêu chí của Tổ chức Năng lượng Quốc tế (IEA).

Hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam bao gồm dự trữ thương mại, dự trữ sản xuất và dự trữ quốc gia. Lộ trình và quy mô hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu trong Phụ lục I, mục 1 đính kèm.

a) Dự trữ thương mại

Dự trữ xăng dầu thương mại tại các kho đầu mối nhập khẩu xăng dầu nhằm ổn định nhu cầu thị trường trong nước do các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thực hiện.

Từ năm 2009 đến năm 2025, dự trữ xăng dầu thương mại tối thiểu ổn định ở mức 30 ngày nhu cầu (tương ứng khoảng 66 ngày nhập ròng vào năm 2015 và 39 ngày nhập ròng vào năm 2025).

Để bảo đảm mức dự trữ tối thiểu và lượng dự trữ lưu thông của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, quy mô sức chứa kho xăng dầu thương mại cả nước tối thiểu phải đạt 4,1 triệu m³ vào năm 2015, đạt 6,9 triệu m³ vào năm 2020 và 10,4 triệu m³ vào năm 2025 (quy mô phát triển sức chứa của các kho xăng dầu thương mại trong mục 2, 3 Phụ lục I).

Danh mục dự án kho xăng dầu thương mại đầu tư giai đoạn đến năm 2015 trong mục 1 Phụ lục II đính kèm.

b) Dự trữ sản xuất

Dự trữ sản xuất tại các nhà máy lọc hóa dầu bao gồm dầu thô và sản phẩm xăng dầu do chủ đầu tư doanh nghiệp sản xuất, bảo đảm lượng dầu thô và sản phẩm xăng dầu tối thiểu lưu chứa thường xuyên tại các nhà máy lọc hóa dầu trong điều kiện hoạt động bình thường cần tối thiểu đạt mức 15 ngày sản xuất đối với dầu thô và 10 ngày sản xuất đối với sản phẩm xăng dầu, cụ thể:

- Khoảng 1,3 triệu tấn dầu thô và 0,6 triệu tấn sản phẩm xăng dầu, tương ứng 56 ngày nhập ròng (33 ngày dầu thô và 23 ngày sản phẩm) của cả nước vào năm 2015;

- Khoảng 1,5 triệu tấn dầu thô và 0,7 triệu tấn sản phẩm xăng dầu, tương ứng 20 ngày nhập ròng (12 ngày dầu thô và 8 ngày sản phẩm xăng dầu) của cả nước vào năm 2025.

(Riêng Nhà máy lọc dầu Dung Quất chỉ áp dụng sau khi Nhà máy đã được nâng cấp mở rộng công suất, chế biến các loại dầu thô nhập khẩu; áp dụng 50% công suất thiết kế của kho dầu thô và sản phẩm xăng dầu trong giai đoạn chế biến dầu ngọt).

c) Dự trữ quốc gia

Dự trữ quốc gia do Nhà nước sở hữu và quyết định để điều phối cho thị trường khi có các tình huống khẩn cấp (khủng hoảng nguồn cung, đột biến về giá...).

Đến năm 2025, dự trữ quốc gia sẽ bao gồm hai loại dầu thô và sản phẩm xăng dầu với quy mô đạt khoảng 30 ngày nhập ròng (tương ứng với khoảng 22,8 ngày nhu cầu, bao gồm 12,4 ngày dầu thô và 10,4 ngày sản phẩm xăng dầu), cụ thể:

Đối với sản phẩm xăng dầu:

Dự trữ tối thiểu khoảng 1,3 triệu tấn sản phẩm (tương đương 1,75 triệu m³ kho), bao gồm các chủng loại:

+ Xăng:	412.000 tấn;
+ Dầu diesel (DO):	722.000 tấn;
+ Dầu mazut (FO):	133.000 tấn;
+ Nhiên liệu máy bay (Jet A1):	33.000 tấn.

Trong năm 2009, lượng sản phẩm xăng dầu dự trữ đạt khoảng 0,4 triệu tấn và duy trì lượng dự trữ này đến năm 2020 trong trường hợp các nhà máy lọc hóa dầu: Nghi Sơn, Long Sơn, Vũng Rô, Cần Thơ và Nam Vân Phong được đưa vào vận hành theo đúng tiến độ (trước năm 2015).

Đối với dầu thô:

Đến năm 2025, dự trữ khoảng 2,2 triệu tấn dầu thô (khoảng 3,1 triệu m³ kho).

Trong trường hợp các nhà máy lọc hóa dầu hiện có mở rộng thêm công suất và xây mới triển khai đúng tiến độ theo quy hoạch, đi vào vận hành trước năm 2020, năng lực sản xuất sản phẩm xăng dầu lớn hơn so với tổng nhu cầu tiêu thụ cả nước thì quy mô dự trữ quốc gia sẽ tập trung dự trữ dầu thô cho các nhà máy lọc hóa dầu với khối lượng tương ứng 2,42 triệu tấn, lượng dự trữ sản phẩm xăng dầu quốc gia của giai đoạn trước sẽ chuyển sang dự trữ xăng dầu thương mại để bảo đảm 30 ngày tiêu dùng.

d) Địa điểm xây dựng kho dự trữ quốc gia

- Đối với kho sản phẩm xăng dầu: tiếp tục duy trì hình thức thuê kho tại các kho xăng dầu đầu mối ở các vùng như Bắc Bộ (Kho 130 - Quảng Ninh, Thượng Lý - Hải Phòng) và Bắc Trung Bộ (Bến Thủy - Nghệ An, Vũng Áng - Hà Tĩnh), Tây Nguyên, Nam Bộ (Long Sơn - Bà Rịa Vũng Tàu, Nhà Bè - thành phố Hồ Chí Minh, Soài Rạp - Tiền Giang,...). Dự kiến sức chứa bổ sung của kho Jet A1 khoảng 30.000 m³ và kho xăng, DO, FO khoảng 1,17 triệu m³.

- Đối với kho dầu thô: ưu tiên bố trí xây dựng các kho gần hoặc liền kề với các nhà máy lọc hóa dầu để thuận lợi cho việc ứng cứu trong các trường hợp khẩn cấp cho các nhà máy lọc hóa dầu. Dự kiến vị trí các kho dầu thô: kho Long Sơn với sức chứa khoảng 1 triệu m³, kho Nghi Sơn với sức chứa khoảng 1 triệu m³ và kho Vân Phong với sức chứa khoảng 1,1 triệu m³). Sau năm 2015, khi có kế hoạch mở rộng hoặc xây mới các nhà máy lọc hóa dầu nên xem xét khả năng đầu tư kho quy mô lớn ở Vân Phong.

Tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn địa điểm và quy mô xây dựng kho dự trữ dầu thô trong quá trình thực hiện Quy hoạch này đối với các vị trí đã xác định và các vị trí mới trên cơ sở kết quả nghiên cứu, khảo sát địa chất của từng vị trí. Danh mục vị trí thuê kho sản phẩm và xây dựng kho dầu thô trình bày trong mục 2, 3 Phụ lục II.

đ) Nội dung và kế hoạch thực hiện đối với kho dự trữ quốc gia

Công việc triển khai	Thời gian thực hiện
Xây dựng, ban hành Quy chế dự trữ trong sản xuất kinh doanh xăng dầu, Quỹ hỗ trợ dự trữ kinh doanh xăng dầu, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược	2009 - 2010
Xây dựng hệ thống thông tin giám sát, điều hành hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu quốc gia	2010 - 2012
Xây dựng và ban hành: Pháp lệnh về dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu	2010 - 2012

Công việc triển khai	Thời gian thực hiện
Thuê kho dự trữ sản phẩm xăng dầu: - Giai đoạn I: - Giai đoạn II:	2009 - 2020 2020 - 2025
Nghiên cứu khảo sát chi tiết địa điểm kho dự trữ dầu thô	2010 - 2013
Nghiên cứu khả thi Dự án Xây dựng kho dầu thô gần nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thanh Hóa)	2014 - 2015
Xây dựng kho dầu thô gần nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thanh Hóa)	2016 - 2020
Nghiên cứu khả thi Dự án Xây dựng kho dầu thô gần nhà máy lọc hóa dầu Long Sơn (Bà Rịa - Vũng Tàu)	2016 - 2017
Xây dựng kho dầu thô gần nhà máy lọc hóa dầu Long Sơn (Bà Rịa - Vũng Tàu)	2018 - 2022
Nghiên cứu khả thi Dự án Xây dựng kho dầu thô tại khu vực Vân Phong (Khánh Hòa)	2016 - 2017
Xây dựng kho dầu thô tại khu vực Vân Phong (Khánh Hòa)	2018 - 2022

e) Phát triển các phương tiện vận tải

- Cải tạo, nâng cấp và hiện đại hóa các phương tiện vận chuyển bằng đường thủy, đường bộ, đường sắt hiện có nhằm bảo đảm linh hoạt và an toàn vận chuyển dầu thô và các sản phẩm xăng dầu theo từng giai đoạn của quy hoạch.

- Nghiên cứu và phát triển hệ thống vận chuyển xăng dầu bằng đường ống khi các nhà máy lọc hóa dầu đi vào vận hành. Các hệ thống tuyến đường ống mới cần triển khai nghiên cứu trong giai đoạn tiếp theo, dự kiến như sau:

Xây dựng tuyến ống mới từ nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thanh Hóa) đi Hà Nam; từ Bình Định/Phú Yên/Khánh Hòa lên Tây Nguyên; từ nhà máy lọc hóa dầu Long Sơn (Bà Rịa - Vũng Tàu) đến khu vực các kho dầu mới tại thành phố Hồ Chí Minh. Danh mục hệ thống đường ống vận chuyển trong mục 4 Phụ lục II.

g) Tổng nhu cầu vốn đầu tư

Nhu cầu vốn đầu tư của hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu giai đoạn đến năm 2015 cần khoảng 2,38 tỷ USD; giai đoạn 2016 - 2025 cần khoảng 7,19 tỷ USD (chi tiết trong mục 5 Phụ lục II).

4. Giải pháp thực hiện quy hoạch

Phối hợp chặt chẽ giữa các loại hình dự trữ, sử dụng triệt để các nguồn lực vốn đầu tư, nhân lực, kinh nghiệm của Nhà nước, doanh nghiệp trong và ngoài nước, tận dụng các cơ hội hợp tác trong khu vực cũng như hợp tác quốc tế.

a) Các giải pháp về pháp lý

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm các căn cứ pháp lý để hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu có hiệu quả kinh tế, bao gồm:

- Về quy mô dự trữ:

Dự trữ thương mại: từ năm 2009 các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu duy trì lượng dự trữ tối thiểu 30 ngày cung ứng cả về cơ cấu chủng loại theo số lượng kinh doanh của năm trước.

Dự trữ sản xuất: các nhà máy lọc hóa dầu duy trì lượng dự trữ tối thiểu là 15 ngày sản xuất đối với dầu thô và 10 ngày sản xuất đối với sản phẩm xăng dầu trong điều kiện vận hành bình thường.

Dự trữ quốc gia: năm 2025, lượng dự trữ quốc gia đạt 22,8 ngày nhu cầu tiêu thụ sản phẩm, trong đó 12,4 ngày dầu thô và 10,4 ngày sản phẩm xăng dầu.

- Về tổ chức quản lý, kiểm soát, thực hiện dự trữ:

Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện dự trữ theo quy định của pháp luật, quy định rõ về chế độ kiểm tra và giám sát cùng các chế tài xử phạt vi phạm đối với 2 loại hình dự trữ thương mại và dự trữ sản xuất do doanh nghiệp quản lý. Về dự trữ quốc gia, Bộ Công Thương phối hợp với Cục Dự trữ Quốc gia - Bộ Tài chính chịu trách nhiệm quản lý.

- Các giải pháp xử lý khi có biến động của thị trường:

+ Giải pháp tức thời: giảm nhu cầu tiêu thụ đối với các hộ tiêu thụ dân dụng và công nghiệp; ổn định giá ở mức tăng hợp lý tối đa có thể;

+ Giải pháp ứng cứu:

Khi nguồn cung bị ngưng trệ ngắn hạn:

- Nguồn cung giảm tới 10%: huy động nguồn dự trữ thương mại sẵn có của các doanh nghiệp trong khu vực;

- Nguồn cung giảm từ 10% đến 20%: huy động bổ sung nguồn dự trữ sản xuất của nhà máy lọc hóa dầu trong khu vực/vùng;

- Nguồn cung giảm hơn 20%: huy động bổ sung nguồn dự trữ quốc gia về sản phẩm xăng dầu trong khu vực/vùng và nguồn dự trữ quốc gia dầu thô cho các nhà máy lọc hóa dầu.

Khi nguồn cung bị ngừng trệ dài hạn và nghiêm trọng: huy động các nguồn dự trữ theo thứ tự ưu tiên sau:

- Huy động nguồn dự trữ doanh nghiệp bao gồm dự trữ thương mại và dự trữ sản xuất;

- Huy động nguồn dự trữ quốc gia về sản phẩm xăng dầu;

- Huy động nguồn dự trữ quốc gia về dầu thô.

b) Các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp

Xem xét từng dự án cụ thể để đưa vào danh mục các dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư, áp dụng các hình thức cho vay ưu đãi lãi suất thấp, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng,...

- Về nguồn vốn:

Vốn đầu tư cho phát triển hệ thống kho thương mại do các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đầu tư và tự trang trải. Nhà nước chỉ xem xét ưu đãi cho phần dự trữ bắt buộc.

Vốn đầu tư cho phát triển các nhà máy lọc hóa dầu là do các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư tùy thuộc quy mô công suất và đặc thù của từng nhà máy.

Vốn đầu tư cho dự trữ quốc gia là thuộc trách nhiệm của Nhà nước. Nguồn vốn đầu tư cho dự trữ này có thể huy động từ thuế tiêu dùng sản phẩm hoặc/và đầu tư của doanh nghiệp. Chính phủ sẽ xem xét khả năng đánh thuế bổ sung giá xăng dầu tiêu thụ cuối cùng để đến năm 2025 có thể trang trải được cơ bản vốn đầu tư và toàn bộ chi phí vận hành cho các kho dự trữ quốc gia.

- Tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức mua dầu thô, sản phẩm xăng dầu dự trữ và đơn vị quản lý, bảo dưỡng, duy trì kho dự trữ:

+ Kho dự trữ quốc gia dầu thô: giao Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam: tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng và kho dự trữ; tổ chức mua dầu thô dự trữ theo tiến độ; quản lý, bảo dưỡng, duy trì kho dự trữ dầu thô;

+ Kho dự trữ quốc gia sản phẩm xăng dầu: giao Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam và các đầu mối nhập khẩu xăng dầu tổ chức xây dựng bổ sung kho dự trữ bên cạnh các kho đầu mối hiện có; tổ chức mua sản phẩm xăng dầu dự trữ theo tiến độ, quản lý, duy trì kho sản phẩm dự trữ dưới hình thức Nhà nước thuê kho.

+ Kho dự trữ quốc gia sản phẩm nhiên liệu máy bay (Jet A1) tạm thời tiếp tục giao cho Công ty Xăng dầu hàng không Việt Nam tổ chức thực hiện và quản lý.

c) Tham gia các hiệp ước, tổ chức, liên minh dự trữ dầu thô và sản phẩm xăng dầu trong khu vực và trên thế giới.

Tích cực tham gia các hiệp ước, tổ chức, liên minh dự trữ dầu thô và sản phẩm xăng dầu trong khu vực và trên thế giới như Thỏa thuận an ninh dầu khí của các nước ASEAN (Petroleum Security Agreement); xem xét khả năng tham gia tổ chức năng lượng thế giới (IEA) về gia nhập và hoàn thành các trách nhiệm cũng như quyền lợi, chương trình năng lượng quốc tế (International Energy Program - IEP), theo đó các nước thành viên bắt buộc dự trữ ít nhất 90 ngày nhập khẩu ròng của năm trước để hỗ trợ ứng cứu khi khủng hoảng xảy ra theo chương trình phối hợp để đối phó với tình trạng khẩn cấp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025. Trước mắt, cần tiếp tục triển khai nghiên cứu các điều kiện địa chất công trình, địa chất thủy văn, cơ lý đá đối với các vị trí dự kiến đặt các kho dự trữ dầu thô, đặc biệt đối với các kho ngầm cũng như tiến độ xây dựng các kho này trên cơ sở hợp tác với các tổ chức quốc tế và các quốc gia có kinh nghiệm, đồng thời triển khai có hiệu quả các dự án kho xăng dầu thương mại và thuê kho xăng dầu dự trữ quốc gia dự kiến đầu tư trong giai đoạn đến năm 2015.

- Chỉ đạo nghiên cứu các phương án vận chuyển sản phẩm xăng dầu bằng đường ống từ Nghi Sơn, Thanh Hoá về Hà Nam; từ Bình Định/Phú Yên/Khánh Hòa lên Tây Nguyên và từ nhà máy lọc hóa dầu Long Sơn đến các kho đầu mối tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ trì thẩm định và phê duyệt bổ sung quy hoạch đối với các dự án kho xăng dầu thương mại có công suất kho dưới 100.000 m³.

- Chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý nhà nước các kho dự trữ dầu thô và sản phẩm xăng dầu của Việt Nam, bao gồm:

+ Pháp lệnh Dự trữ quốc gia về dầu thô và các sản phẩm xăng dầu;

+ Quy chế dự trữ, kinh doanh các sản phẩm xăng dầu;

+ Quy chế quản lý, điều hành, cơ chế điều tiết hệ thống dự trữ quốc gia dầu thô và các sản phẩm xăng dầu (quy định về cơ chế ứng cứu; trách nhiệm, quyền lợi của các doanh nghiệp/công ty kinh doanh xăng dầu đối với dự trữ quốc gia, các quy định về an toàn, môi trường v.v...);

+ Xây dựng hệ thống thông tin giám sát, điều hành hệ thống dự trữ dầu thô quốc gia;

+ Quy định về thành lập và sử dụng Quỹ hỗ trợ dự trữ kinh doanh xăng dầu, Quỹ dự trữ quốc gia về dầu thô và các sản phẩm xăng dầu.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành chỉ đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam và các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nghiên cứu và triển khai xây dựng các kho dự trữ quốc gia về dầu thô và sản phẩm xăng dầu trên cơ sở kết quả nghiên cứu của Quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025.

- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược.

2. Bộ Giao thông vận tải

Lập quy hoạch hệ thống cảng biển, luồng lạch phù hợp với các yêu cầu về vận tải, xuất nhập dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu bảo đảm nguyên tắc sử dụng tối ưu Quỹ mặt đất, mặt nước để phát triển bền vững ngành công nghiệp dầu khí và công nghiệp hàng hải trong tổng thể chiến lược kinh tế biển của Việt Nam.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường trên đất liền và trên biển đối với hoạt động tàng chứa, xuất nhập dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của các kho dự trữ.

Rà soát lại và ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn đối với việc lập và giám sát báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược có xét tới điều kiện của Việt Nam.

4. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Dự kiến kế hoạch cấp vốn nhà nước hàng năm đối với các dự án dự trữ quốc gia về dầu thô và các sản phẩm xăng dầu trong giai đoạn quy hoạch nhằm bảo đảm tiến độ và tính khả thi của các dự án đầu tư.

5. Giao các địa phương

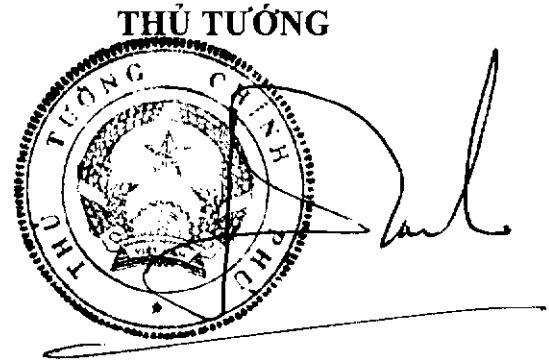
Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố và các khu kinh tế, khu công nghiệp có tính đến việc xây dựng các dự án thuộc quy hoạch dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025. Ủy ban nhân dân các tỉnh ưu tiên dành quỹ mặt đất, mặt nước để xây dựng kho dự trữ dầu thô tại các vị trí đã được quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Công Thương, Thủ trưởng các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ: KTTH, QHQT, TH;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b). A. **AAA**



Nguyễn Tấn Dũng

www.LuatVietnam.vn



Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1139/QĐ-TTg
ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Lộ trình và quy mô hệ thống dự trữ dầu thô và sản phẩm xăng dầu

Loại hình dự trữ		Lượng dự trữ theo tiêu chí	2010	2015	2020	2025
Dự trữ thương mại		Triệu tấn	1,3	1,8	2,6	3,6
		Ngày nhập ròng	40,3	65,9	43,9	38,8
		Ngày nhu cầu	30	30	30	30
Dự trữ sản xuất	Dầu thô	Triệu tấn	0,23	1,3	1,5	1,5
		Ngày nhập ròng	5,4	33,4	17,8	11,9
		Ngày nhu cầu	4,0	15,2	12,2	9,2
	Sản phẩm	Triệu tấn	0,12	0,6	0,7	0,7
		Ngày nhập ròng	3,8	22,6	11,9	8,0
		Ngày nhu cầu	2,8	10,3	8,1	6,2
	Tổng cộng	Ngày nhập ròng	9,2	56,1	29,7	19,9
		Ngày nhu cầu	6,8	25,5	20,3	15,4
	Dự trữ quốc gia	Dầu thô	Triệu tấn			0,7
Ngày nhập ròng					8,6	16,6
Ngày nhu cầu					5,8	12,4
Sản phẩm		Triệu tấn	0,4	0,4	0,4	1,3
		Ngày nhập ròng	13,8	15,6	7,3	13,5
		Ngày nhu cầu	10,3	7,1	5,0	10,4
Tổng cộng		Ngày nhập ròng	13,8	15,6	15,9	30
		Ngày nhu cầu	10,3	7,1	10,7	22,8
Tổng dự trữ cả nước		Triệu tấn	2,1	4,2	5,9	9,3
		Ngày nhập ròng	63	138	90	90
		Ngày nhu cầu	47	63	61	68

2. Quy mô sức chứa kho xăng dầu thương mại

(Đơn vị: 1.000 m³)

Vùng cung ứng	2015	2020	2025
- Kho đầu mối cả nước	3.242	5.725	8.684
Bắc Bộ	1.413	2.020	2.893
Bắc Trung Bộ	238	349	500
Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	467	701	1.019
Thành phố Hồ Chí Minh và phụ cận	834	2.167	3.505
Thành phố Cần Thơ và phụ cận	290	488	767
- Kho trung chuyên cả nước	840	1.201	1.708
Bắc Bộ	520	742	1.062
Thành phố Hồ Chí Minh và phụ cận	192	277	392
Thành phố Cần Thơ và phụ cận	127	181	253
Tổng cộng	4.082	6.926	10.392

3. Quy hoạch phát triển sức chứa các kho xăng dầu thương mại

(Đơn vị: 1.000 m³)

TT	Loại hình xây dựng	2008 - 2015	2016 - 2025	Tổng cộng
A	Kho cảng đầu mối	2.676	4.526	7.202
1	Các dự án đang triển khai	1.352		1.352
a	Mở rộng kho	626		626
b	Xây dựng mới	726		726
2	Mở rộng nâng cấp kho hiện có	310	720	1.030
3	Xây dựng mới	1.014	3.806	4.820
B	Kho cảng trung chuyên	486	854	1.340
1	Các dự án đang triển khai	242	0	242
a	Mở rộng kho	22		
b	Xây dựng mới	220		
2	Mở rộng nâng cấp kho hiện có	50	250	300
3	Xây dựng mới	194	604	798
C	Kho cung ứng vùng núi biên giới	20	24	44
1	Các dự án đang triển khai	8	6	14
2	Xây dựng mới	12	18	30
	Tổng cộng cả nước	3.182	5.405	8.586



Phụ lục II
Ban hành kèm theo Quyết định số 1139/QĐ-TTg
ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Danh mục dự án kho xăng dầu tương mai ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đến năm 2015
(*chi tính kho tiếp nhận đầu mới và trung chuyển lớn > 10.000 m³*)

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian xây dựng giai đoạn I	Ghi chú
1.	Mở rộng kho dầu mới K130 (Petrolimex)	Quảng Ninh	250.000 m ³ GĐ1: 72.000 m ³ GĐ2: 180.000 m ³	2008 - 2009 (2009 - 2014)	Nhập bằng đường ống từ kho cảng Bãi Cháy
2.	Mở rộng kho K131 (Petrolimex)	Thủy Nguyên - Hải Phòng	60.000 m ³ GĐ 1: 40.000 m ³	2009 - 2010	Nhập bằng đường ống B12
3.	Xây mới kho K132 (Petrolimex)	Hải Dương	100.000 m ³ GĐ 1: 50.000 m ³	2009 - 2011	Nhập bằng đường ống B12
4.	Xây mới kho Hà Nam (Petrolimex)	Hà Nam	60.000 m ³ GĐ1:20.000 m ³	2008 - 2010	Nhập bằng đường ống B12
5.	Kho Đình Vũ - VIPCO (Petrolimex) mới	Hải Phòng	GĐ1:150.000 m ³	2009 - 2012	Đã có thỏa thuận cảng với Bộ Giao thông vận tải
6.	Xây mới kho Phú Xuyên - (Petrolimex)	Phú Xuyên - Hà Nội	100.000 m ³ GĐ1:60.000 m ³	2010 - 2012	Nhập bằng đường ống B12
7.	Xây mới kho Phú Thi (Petrolimex)	Gia Lâm - Hà Nội (hoặc Thuận Thành - Bắc Ninh)	120.000 m ³ GĐ1:60.000 m ³	2011 - 2015	Nhập bằng đường ống B12
8.	Xây mới Tổng kho Lạch Huyện (Petrolimex/PV Oil và DN khác) mới	Lạch Huyện Quảng Ninh	Đến 500.000 m ³ GĐ1:200.000 m ³	2010 - 2015	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian xây dựng giai đoạn I	Ghi chú
9.	Mở rộng Tổng kho Thương Lý	Thương Lý - Hải Phòng	40.000 m ³	2010 - 2012	Nhập bằng đường ống B12
10.	Mở rộng kho Đình Vũ (PV Oil)	Hải Phòng	30.000 m ³	2008 - 2009	Sử dụng cảng Dầu Đình Vũ
11.	Xây mới Tổng kho Vinashin	Đầm Nhà Mạc Quảng Ninh	Đến 200.000 m ³ GD1: 100.000 m ³	2010 - 2012	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
12.	Xây mới kho Vinapco Hải Phòng	Hải Phòng	50.000 m ³	2010 - 2015	Sử dụng cảng Dầu Đình Vũ
13.	Xây mới kho Đình Vũ (Vitrachart)	Hải Phòng	20.000 m ³ GD1: 10.000 m ³	2010 - 2012	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
14.	Mở rộng kho Cái Lán (PV Oil)	Quảng Ninh	Đến 70.000 m ³	2009 - 2012	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
15.	Mở rộng kho Việt Trì (Petrolimex)	Việt Trì - Phú Thọ	20.000 m ³	2009 - 2012	Cảng sông đã có
16.	Xây mới kho Vũng Áng (PV Oil)	Hà Tĩnh	100.000 m ³ GD1: 60.000 m ³	2008 - 2009	Đã có thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
17.	Xây mới kho Hòn La (PV Oil)	Cảng Hòn La Quảng Bình	100.000 m ³ GD1: 40.000 m ³	2011 - 2015	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
18.	Mở rộng kho Cửa Việt	Quảng Trị	Đến 20.000 m ³	2010 - 2012	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
19.	Mở rộng kho Chân Mây (PV Oil)	Cảng Chân Mây, Thừa Thiên Huế	Đến 50.000 m ³ GD1: 25.000 m ³	2009 - 2010	Đã có cảng
20.	Xây mới kho Thọ Quang (Petrolimex)	Đà Nẵng	90.000 m ³ GD1: 40.000 m ³	2009 - 2013	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
21.	Mở rộng kho Liên Chiểu (PV Oil)	Đà Nẵng	Đến 30.000 m ³	2009 - 2011	Đã có cảng
22.	Xây mới kho Đà Nẵng (PV Oil)	Đà Nẵng	Đến 50.000 m ³ GD1: 25.000 m ³	2010 - 2015	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
23.	Mở rộng kho Phú Hoà (Petrolimex)	Bình Định	50.000 m ³	2009 - 2015	Đã có cảng

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian xây dựng giai đoạn I	Ghi chú
24.	Xây mới kho ngoại quan Văn Phong (Petrolimex)	Khánh Hòa	1.000.000 m ³ GD1: 500.000 m ³	2009 - 2012	Đã có thỏa thuận cảng với Bộ Giao thông vận tải
25.	Mở rộng kho Vũng Rô (Cty VTIH Phú Yên)	Phú Yên	40.000 m ³	2009 - 2015	Đã có cảng
26.	Xây mới kho Nam Trung Bộ (Petrolimex)	Ninh Thuận hoặc Bình Thuận	50.000 m ³	2010 - 2015	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
27.	Thay mới, mở rộng kho B, C Tổng kho Nhà Bè (Petrolimex)	Thành phố Hồ Chí Minh	280.000 m ³	2008 - 2015	Đã có cảng
28.	Xây mới, mở rộng kho D, E Tổng kho Nhà Bè (Petrolimex)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đến 400.000 m ³ GD1 kho D: 120.000 m ³	2009 - 2020	Đã có cảng
29.	Mở rộng Tổng kho Nhà Bè (PV Oil)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đến 130.000 m ³ GD1: 50.000 m ³	2008 - 2009	Đã có cảng
30.	Xây mới kho Nhà Bè (Vinapco)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đến 200.000 m ³ GD1: 50.000 m ³	2010 - 2015	Đã có cảng
31.	Xây mới kho Cù Lao Tào (PV Oil)	Bà Rịa - Vũng Tàu	GD1: 150.000 m ³ GD2: 150.000 m ³	2007 - 2009 2011 - 2015	Đã có thỏa thuận cảng với Bộ Giao thông vận tải
32.	Xây mới Tổng kho xăng dầu Cái Mép (Petec - PV Oil)	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đến 150.000 m ³ GD1: 80.000 m ³	2009 - 2011	Đã có thỏa thuận cảng với Bộ Giao thông vận tải
33.	Xây mới Tổng kho XD COMECCO	Nhơn Trạch - Đồng Nai	Đến 100.000 m ³ GD1: 44.000 m ³	2008 - 2010	Đã có thỏa thuận cảng với Bộ Giao thông vận tải
34.	Xây mới Tổng kho Phú Hữu (Cty Tín Nghĩa)	Nhơn Trạch - Đồng Nai	Đến 180.000 m ³ GD1: 60.000 m ³	2008 - 2010	Đã có thỏa thuận cảng với Bộ Giao thông vận tải

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian xây dựng giai đoạn I	Ghi chú
35.	Xây mới Tổng kho Nhom Trạch (PV Oil)	Nhom Trạch - Đồng Nai	Đến 100.000 m ³	2012 - 2015	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
36.	Xây mới Tổng kho Đông Nam Bộ (Petrolimex)	Đồng Nai hoặc Bà Rịa Vũng Tàu	Đến 200.000m ³	2010 - 2015	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
37.	Xây mới kho Soài Rạp (PetroMekong PV Oil)	Gò Công Đông - Tiền Giang	Đến 520.000 m ³ GD1: 160.000 m ³	2008 - 2010	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
38.	Xây mới kho Soài Rạp (Công ty Thuận Tiến)	Gò Công Đông - Tiền Giang	Đến 110.000 m ³ GD1: 60.000 m ³	2010 - 2015	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
39.	Xây mới kho Vĩnh Long	Thị xã Vĩnh Long - tỉnh Vĩnh Long	20.000 m ³	2010 - 2015	Cảng sông, cần thỏa thuận với Cục Đường sông
40.	Xây mới kho trung chuyển Long Bình Tân (Petrolimex)	Đồng Nai	Đến 50.000 m ³ GD1: 20.000 m ³	2010 - 2015	Cảng sông, cần thỏa thuận với Cục Đường sông
41.	Mở rộng kho Cần Thơ (PV Oil)	Khu Công nghiệp Trà Nóc - Cần Thơ	60.000 m ³ GD1: 40.000 m ³	2008 - 2010	Đã có thỏa thuận cảng với Bộ Giao thông vận tải
42.	Mở rộng kho Cần Thơ (PetroMekong)	Quận Cái Răng - thành phố Cần Thơ	36.000 m ³	2008 - 2009	Đã có cảng
43.	Xây mới kho Cà Mau (PV Oil)	Cà Mau	Đến 11.000 m ³	2008 - 2010	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
44.	Xây mới kho Trà Vinh (CAWACO)	Kim Sơn - Trà Cú Trà Vinh	Đến 200.000 m ³ GD1: 100.000 m ³	2010 - 2015	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
45.	Xây mới kho Kiên Lương (PV Oil)	Kiên Lương - Kiên Giang	Đến 100.000 m ³	2010 - 2013	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải
46.	Xây mới kho Kiên Lương (Petrolimex)	Kiên Lương - Kiên Giang	Đến 100.000 m ³ GD1: 30.000 m ³	2010 - 2012	Cần thỏa thuận về cảng với Bộ Giao thông vận tải

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian xây dựng giai đoạn I	Ghi chú
47.	Xây mới và mở rộng các kho xăng nhiên liệu máy bay Jet A1	Tại các sân bay Nội Bài, Đà Nẵng, Cát bi, Phù Cát, Phú Xuân, Cam Ranh,	10.000 - 15.000 m ³ / cho mỗi địa điểm	2010 - 2020	Nhập đường bộ bằng ô tô xiéc
48.	Mở rộng kho Phú Mỹ - nhà máy chế biến Condensate	KCN Cái Mép, Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đến 75.000 m ³	2008 - 2010	
49.	Xây mới kho Dung Quất - PV Oil (dự trữ dầu mới hoặc phục vụ mở rộng nhà máy)	Quảng Ngãi	Đến 1.000.000 m ³ GDI: 500.000 m ³	2010 - 2015	

2. Danh mục vị trí thuê kho dự trữ sản phẩm dầu quốc gia

Thứ tự	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (1.000 m ³)
I	Các kho Jet A1	Gần các cảng hàng không	30
II	Các kho xăng, DO, FO		1.170
Vùng Bắc Bộ:			
1	Kho 130 hoặc kho Lạch Huyện	Quảng Ninh	300
2	Kho Thương Lý	Hải Phòng	200
Vùng Bắc Trung Bộ			
3	Kho Bến Thủy	Nghệ An	50
4	Kho Vũng Áng	Hà Tĩnh	100
Vùng Nam Trung Bộ			
5	Kho Phú Hoà	Bình Định	50

Thứ tự	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (1.000 m ³)
6	Kho Mỹ Giang	Khánh Hòa	100
Vùng Nam Bộ			
7	Nhà Bè	Thành phố Hồ Chí Minh	500
8	Soài Rạp	Tiền Giang	450

3. Danh mục dự án kho dự trữ dầu thô quốc gia

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô
1	Kho Vân Phong	Vịnh Vân Phong, Khánh Hòa	800.000 tấn (khoảng 1.100.000 m ³)
2	Kho Nghi Sơn	Nghi Sơn, Thanh Hóa	700.000 tấn (khoảng 1.000.000 m ³)
3	Kho Long Sơn	Long Sơn, Bà Rịa - Vũng Tàu	700.000 tấn (khoảng 1.000.000 m ³)

4. Danh mục dự án hệ thống đường ống vận chuyển dầu

Thứ tự	Tên dự án	Quy mô	Thời gian	Ghi chú
I	Nâng cấp, cải tạo tuyến hiện có:			
1	Nâng cấp, cải tạo một số đoạn tuyến của hệ thống B12	Toàn tuyến khoảng 130 km	2008 - 2015	
2	Nâng cấp, cải tạo các đoạn tuyến còn lại của hệ thống B12	Khoảng 100 km	2015 - 2025	
3	Cải tạo tuyến ống Nghi Hương - Bến Thủy	20 km	2016 - 2025	
II	Xây mới tuyến ống:			
1	Xây mới tuyến ống Lạch Huyện nối với tuyến ống B12	20 km	2015 - 2025	Quy hoạch đồng bộ với Tổng kho Lạch Huyện của Petrolimex
2	Xây mới hệ thống tuyến ống Nghi Sơn - Hà Nam	100 km	2015 - 2025	Cần quy hoạch chi tiết và lập báo cáo đầu tư
3	Xây mới hệ thống đường ống Long Sơn - Nhà Bè	80 km	2016 - 2025	Cần quy hoạch chi tiết và lập báo cáo đầu tư
4	Xây mới tuyến ống từ Bình Định/Phú Yên/Nha Trang đi Tây Nguyên	Trên 100 km	2016 - 2025	Cần quy hoạch chi tiết và lập báo cáo đầu tư

5. Tổng hợp vốn đầu tư

Hạng mục	Vốn đầu tư (tỷ USD)					Chủ đầu tư
	Tổng cộng	2009 - 2010	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025	
Xây dựng kho xăng dầu dự trữ thương mại	2,50	0,26	0,66	0,71	0,87	Doanh nghiệp
Xây dựng kho dầu thô và thuế kho sản phẩm quốc gia	0,77	0,01	0,01	0,42	0,33	Nhà nước/Doanh nghiệp
Mua dầu thô và các sản phẩm dự trữ quốc gia	2,60	0,10	-	0,57	1,93	Nhà nước/Doanh nghiệp
Vận hành và bảo dưỡng kho dự trữ quốc gia	0,31	0,01	0,04	0,05	0,21	Nhà nước/Doanh nghiệp
Phát triển các phương tiện vận chuyển.	3,40	0,37	0,92	0,95	1,16	Doanh nghiệp
Tổng cộng	9,58	0,75	1,63	2,69	4,50	